|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công**

Kính gửi: Chính phủ

 Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành các Luật đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 4 giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ hướng về nghiệp vụ quản lý nợ công, trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2018. Thực hiện phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập và tổ chức nghiên cứu, soạn thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình soạn thảo, Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan ở trung ương và địa phương. Hồ sơ dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định tại văn bản thẩm định số …/BTP-PLDSKT ngày … tháng … năm 2018 của Bộ Tư pháp.

 Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công (sau đây gọi tắt là Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

*-* Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, trong đó, cùng với việc giao Chính phủ quy định cụ thể thi hành các nội dung về quản lý huy động vốn vay, cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, quản lý nợ của chính quyền địa phương và quản lý Quỹ Tích lũy trả nợ, Luật cũng đã đặt ra yêu cầu hướng dẫn các nội dung chung đối với các nghiệp vụ quản lý nợ công, bao gồm: xây dựng và thực hiện các công cụ quản lý nợ công bao gồm các chỉ tiêu an toàn nợ công, kế hoạch vay trả nợ công 5 năm, kế hoạch quản lý nợ trung hạn 3 năm, kế hoạch vay trả nợ hẳng năm; quản lý rủi ro nợ công; thống kê, báo cáo và công bố thông tin về nợ công.

Các nội dung nói trên là hết sức quan trọng nhằm đảm bảo quản lý nợ công bền vững, vì vậy, việc ban hành Nghị định này là cần thiết nhằm quy định chi tiết một số nội dung được quy định trong Luật, đảm bảo tính khả thi của Luật khi đưa vào thực hiện.

*-* Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững đã chỉ rõ sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế, chính sách, công cụ, bộ máy quản lý nợ công để kiểm soát toàn diện rủi ro và hiệu quả nợ công. Việc ban hành Nghị định về nghiệp vụ quản lý nợ công là cần thiết, là bước tiếp theo sau khi ban hành Luật Quản lý nợ công trong thể chế hóa chủ trương đường lối của Đảng.

**-** Nghị định số 79/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý nợ công năm 2009 cũng đã quy định một số nội dung về nghiệp vụ quản lý nợ công (như các công cụ kế hoạch đối với quản lý nợ công, công tác quản lý rủi ro, công tác thống kê, báo cáo và công khai thông tin nợ công); những nội dung này vẫn đảm bảo phù hợp, có thể kế thừa; tuy nhiên cũng có một số nội dung cần được bổ sung, sửa đổi nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017, trong đó có các nội dung như đánh giá bền vững nợ, triển khai các công cụ quản lý nợ chủ động gắn với các công cụ kế hoạch về tài chính - ngân sách, công tác quản lý rủi ro và tăng cường công khai, minh bạch trong công tác quản lý dữ liệu, kế toán, kiểm toán và công bố thông tin nợ công.

Với các nội dung giải trình trên, Bộ Tài chính thấy rằng việc ban hành Nghị định về nghiệp vụ quản lý nợ công là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

**II. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Quan điểm**

- Quán triệt quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước (Luật Quản lý nợ công 2017) trong việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý nợ công và phương thức quản lý nợ chặt chẽ, hiệu quả, công khai, minh bạch.

- Đảm bảo tính thống nhất của hệ thống các văn bản pháp luật, bao gồm Luật Quản lý nợ công năm 2017 cũng như Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Xác định rõ vai trò trách nhiệm của các cơ quan trong việc quản lý, giám sát thực hiện các chỉ tiêu an toàn nợ công và các công cụ quản lý, phòng ngừa rủi ro một cách hiệu quả, khả thi.

**2. Nguyên tắc xây dựng Nghị định**

- Kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định 79/2010/NĐ-CP, bổ sung sửa đổi một số quy định theo Luật Quản lý nợ công năm 2017.

- Nghị định được soạn thảo chi tiết để có thể thực thi ngay, hạn chế việc hướng dẫn chi tiết dưới hình thức thông tư.

- Đối với các quy định về thủ tục hành chính được quy định rõ ràng nội dung, hồ sơ cũng như trình tự thủ tục.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công gồm 5 chương với 29 Điều theo bố cục như sau:

a) Chương I. Những quy định chung gồm 3 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3).

b) Chương II. Công cụ quản lý nợ công, gồm 4 Mục với 14 Điều (từ Điều 4 đến Điều 17).

c) Chương III. Quản lý rủi ro đối với danh mục nợ công, gồm 5 Điều, từ Điều 18 đến Điều 23).

d) Chương IV. Về thống kê, báo cáo và công bố thông tin về nợ công, gồm 5 Điều (từ Điều 23 đến Điều 27).

đ) Chương V. Điều khoản thi hành, gồm 2 Điều 28 và Điều 29.

**2. Những nội dung cơ bản của Nghị định**

***a) Chương I. Những quy định chung***: gồm phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.

- Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về nghiệp vụ quản lý nợ công bao gồm: công cụ quản lý nợ công; quản lý rủi ro đối với danh mục nợ công; thống kê, báo cáo và công bố thông tin về nợ công.

- Đối tượng áp dụng của Nghị định (tại Điều 2) là Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý nợ công.

***b) Chương II. Công cụ quản lý nợ công:*** Các công cụ quản lý nợ công được quy định trên nguyên tắc thống nhất, đồng bộ và gắn kết với quy trình kế hoạch tài chính - ngân sách, cụ thể gồm:

*Mục 1.* Chỉ tiêu an toàn nợ công: quy định cụ thể về các chỉ tiêu an toàn nợ công theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Luật Quản lý nợ công, theo đó hướng dẫn về các chỉ tiêu an toàn nợ công, ngưỡng cảnh báo an toàn nợ công, phương thức và quy trình điều chỉnh chỉ tiêu an toàn nợ công và biện pháp thực hiện khi chỉ tiêu nợ công chạm ngưỡng cảnh báo.

*Mục 2.* Kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm: quy định về căn cứ lập, nội dung của báo cáo kế hoạch, trình tự lập, điều chỉnh và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác này.

Nội dung của kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Quản lý nợ công. Thời hạn lập, trình kế hoạch tham khảo quy định của Nghị định 163/2016/NĐ-CP và Nghị định 45/2017/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo tiến độ cũng như trình tự lập, giảm thiểu thủ tục hành chính và yêu cầu cung cấp hồ sơ, thông tin đối với các cơ quan có liên quan và phù hợp với thời gian trình cấp có thẩm quyền quyết định.

*Mục 3.* Chương trình quản lý nợ công 03 năm: Tương tự như đối với hướng dẫn tại Mục 2, Mục 3 cũng bám sát trình tự xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và bám sát quy định tại Điều 23 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14. Chương trình quản lý nợ công 03 năm được lập hằng năm theo hình thức cuốn chiếu, theo đó năm đầu tiên là năm hiện hành (năm kế hoạch) và 02 năm tiếp theo.

*Mục 4.* Kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm: về cơ bản nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 79/2017/NĐ-CP và bám sát quy định tại Điều 24 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14, trong đó có xây dựng hạn mức cho vay lại và hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm.

***c) Chương III. Quản lý rủi ro đối với nợ công:*** Nội dung này kế thừa các quy định của Nghị định số 79/2017/NĐ-CP và Quyết định số 56/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công; hướng dẫn cụ thể công tác quản lý rủi ro nợ công theo các bước quy trình quản lý rủi ro, gồm:

- Nhận diện rủi ro đối với danh mục nợ công, bao gồm rủi ro lãi suất, tỷ giá; rủi ro thanh khoản và rủi ro đảo nợ. Những rủi ro liên quan đến cho vay lại vốn vay ODA và vay ưu đãi và rủi ro liên quan đến cấp bảo lãnh được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về cho vay lại và cấp, quản lý bảo lãnh Chính phủ.

- Đánh giá rủi ro (tại Điều 19), trong đó quy định nội dung đánh giá, trách nhiệm và tần suất đánh giá.

- Các biện pháp phòng ngừa đối với từng loại rủi ro: lãi suất, tỷ giá (Điều 20) thanh khoản (Điều 21); đảo nợ (Điều 22)

 ***đ) Chương IV*** quy định về thống kê, báo cáo và công bố thông tin về nợ công, gồm 5 Điều (từ Điều 23 đến Điều 27), cụ thể là:

- Việc tổ chức thông tin về nợ công (quy định tại Điều 23) bao gồm các quy định về nội dung tổ chức thông tin; phân loại thông tin nợ công; phương pháp và nguyên tắc thu thập và tổ chức thông tin; thời hạn báo cáo thông tin. Nghị định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu biểu báo cáo và hướng dẫn thực hiện việc tổ chức thông tin về nợ công.

- Trách nhiệm của các cơ quan trong cung cấp và tổ chức thông tin nợ công được quy định tại Điều 24, gồm: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan cho vay lại, chủ dự án và các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có liên quan.

- Quy định về cơ sở dữ liệu nợ công gồm: nguyên tắc xây dựng, nội dung cơ sở dữ liệu, chủ thể chủ trì quản lý (Bộ Tài chính).

- Ngoài các báo cáo về nợ công quy định tại Luật Quản lý nợ công, Nghị định này hướng dẫn nội dung và trách nhiệm của các cơ quan trong việc lập, trình báo cáo giám sát chỉ tiêu an toàn nợ công.

- Điều 27 của Chương này quy định về công bố thông tin về nợ công, trong đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính công khai, cung cấp thông tin về tình hình vay, trả nợ trong nước và nước ngoài của Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh; vay, trả nợ nước ngoài của quốc gia, nợ của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật thông qua hình thức phát hành Bản tin về nợ công, được phát hành 6 tháng một lần.

***e) Chương V. Điều khoản thi hành***, gồm các Điều 28 và Điều 29 theo đó Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018. Những quy định trước đây của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trái với nội dung Nghị định này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

**IV. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

**1. Ý kiến các Bộ, ngành và địa phương:**

**2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:**

 **V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN Ý KIẾN KHÁC NHAU**

.......

Trên đây là một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công; Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- PTTg Vương Đình Huệ;**-** Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Bộ KH&ĐT;- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;- Lưu: VT, QLN ( …b). | **BỘ TRƯỞNG****Đinh Tiến Dũng** |